

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021.
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ (P).

Địa chỉ: Số 22, N, phường T, quận H, Thành phố H1.

Người đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền: Ông Mai Xuân T1 - Chức vụ: Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

(Văn bản ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020).

Người được ông Mai Xuân T1 ủy quyền: Bà Hồ Việt H2 – Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

(Văn bản ủy quyền số 5157/UQ-PVB ngày 30/3/2021).

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Nguyễn Duy V - Chức vụ: Giám đốc KHCN - Phòng quản lý khách hàng cá nhân KV Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

2. Ông Nguyễn Quốc T2 - Chức vụ: Chuyên viên TGTS - Phòng quản lý khách hàng cá nhân KV Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

3. Bà Lê Thị D - Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng - Phòng quản lý khách hàng cá nhân KV Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

(Văn bản ủy quyền số 16768/UQ-PVB ngày 23/9/2021).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1972 và chị Trần Thị L1, sinh năm 1977;

Đều cư trú tại: Số 15/02, ngách 02/173, phố T4, tổ 24, phường T5, thành phố T6, tỉnh T6.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Chị Trần Thị C, sinh năm 1980.

Nơi cư trú tại: Căn hộ chung cư số CH03 (6.12A), tầng 6 chung cư Đ1, đường T5, tổ 5, phường L2, thành phố T6, tỉnh T6.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn T3 và chị Trần Thị L1 xác nhận dư nợ tại P số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày 15/4/2022 là 310.075.703 đồng (*Ba trăm mười triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm linh ba đồng*), gồm: Tiền nợ gốc là 291.587.162 đồng và tiền nợ lãi là 18.488.541 đồng.

Thời hạn trả nợ: Kể từ ngày 16/4/2022 đến ngày 30/6/2022 anh Nguyễn Văn T3 và chị Trần Thị L1 phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng Đ theo hợp đồng cho vay số 030/2019/HĐTD/PVB-CNTB ngày 23/01/2019.

Kể từ ngày 16/4/2022 anh Nguyễn Văn T3 và chị Trần Thị L1 còn phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi, phí phát sinh với mức lãi xuất thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Đến hết ngày 30/6/2022, anh Nguyễn Văn T3 và chị Trần Thị L1 không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài thế chấp là: “Căn hộ chung cư số CH03 (6.12A), tầng 6, diện tích sàn 56,61m² thuộc phường L2, thành phố T6, tỉnh T6. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 366320; Số vào sổ cấp GCN: “CS” 01489 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T6 cấp ngày 20/01/2017 cho bà Trần Thị C”.

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi xử lý không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ của anh Nguyễn Văn T3 và chị Trần Thị L1 tại P thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của anh Nguyễn Văn T3, chị Trần Thị L1 để thu hồi nghĩa vụ còn lại của anh Nguyễn Văn T3, chị Trần Thị L1 tại P.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T3 và chị Trần Thị L1 nộp cả 15.503.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng P số tiền 15.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000443 ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

THẨM PHÁN

Chu Thị Tuyết